

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Lưu Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/202/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị Mộng T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố HH, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; **vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.**

Bị đơn: Anh Phạm Minh T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Số B, hẻm H, đường TC, khu phố HT, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; **vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ly hôn ngày 11/10/2021, bản tự khai ngày 11/11/2021, biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, chị Tô Thị Mộng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 qua thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện HT1, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, ngoài ra, anh T1 còn thường xuyên uống rượu say sưa. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị T

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh ngày 23/10/2013, Phạm Trà M, sinh ngày 21/5/2015, Phạm Bảo C, sinh ngày 01/6/2017. Hiện các con đang sống với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu được nuôi 03 con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Tuy nhiên, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/02/2021, chị T xác định yêu cầu nuôi 03 con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn- anh Phạm Minh T1 đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh T1 không đến Tòa án để giải quyết và không cung cấp lời trình bày cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Tô Thị Mộng T được ly hôn với anh Phạm Minh T1; về con chung: Đề nghị giao 03 con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Tô Thị Mộng T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt; anh Phạm Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Mộng T và anh Phạm Minh T1 qua thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện HT1, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét về mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, ngoài ra do anh T1 thường xuyên uống rượu say sỉn, không quan T1 lo lắng cho vợ con. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, chị về nhà mẹ ruột sống. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1. Anh T1 vắng mặt và không trình bày ý kiến gì. Chị Phạm Quỳnh Như (em gái ruột của anh T1) trình bày vợ chồng anh T1 thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi nhau, sống không hòa hợp và cũng đã ly thân hơn 01 năm nay.

Xét chị T xác định giữa chị và anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 cho đến nay và đã sống ly thân với nhau cũng từ năm 2019 cho đến nay. Chị Như (em gái ruột của anh T1) cũng xác định vợ chồng chị T, anh T1 xảy ra mâu thuẫn và ly thân hơn 01 năm nay. Chị T xác định tình cảm giữa chị T và anh T1 đã không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân trong một thời gian. Hơn nữa, anh T1 cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, chứng minh việc anh T1 không có ý muốn hàn gắn đoàn tụ. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của chị T, anh T1 mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét xử cho anh chị được ly hôn.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh ngày 23/10/2013, Phạm Trà M, sinh ngày 21/5/2015, Phạm Bảo C, sinh ngày 01/6/2017. Hiện các con đang sống với chị T. Chị T yêu cầu nuôi 03 con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét cả 03 cháu từ lúc nhỏ cho đến bây giờ đều sống với chị T và do chị T chăm sóc trực tiếp. Ngoài ra, theo Biên bản lấy lời khai của cháu T2 thì cháu có nguyện vọng được sống với chị T nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 03 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Tô Thị Mộng T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị Mộng T đối với anh Phạm Minh T1.

Chị Tô Thị Mộng T được ly hôn với anh Phạm Minh T1; chị T và anh T1 không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thanh T2, sinh ngày 23/10/2013, Phạm Trà M, sinh ngày 21/5/2015, Phạm Bảo C, sinh ngày 01/6/2017.

Giao 03 cháu Phạm Thanh T2, Phạm Trà M, Phạm Bảo C cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Tô Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000559 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

[6] Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Nơi cấp chứng nhận kết hôn;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan